TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST.
Ngày 06-3-2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Dình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2025/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2025, đối với:

- Bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc Thanh T, tên gọi khác: không, sinh năm 1988, nơi sinh: tỉnh Cà Mau, nơi thường trú: Ấp C, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nơi tạm trú: Ấp B, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Nghề nghiệp: công nhân. Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Thanh L. Bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Võ Tấn K, bị cáo có 01 người con sinh năm 2016.

Tiền sự, tiền án: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Tấn K, tên gọi khác: không có, sinh năm 1990, nơi sinh: tỉnh Cà Mau, nơi cư trú: Ấp M, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: làm thuê. Trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Ngọc Ch và bà Quách Thị P. Bị cáo sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T, bị cáo có 01 người con sinh năm 2016.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo bản án số 20/2009/HSST ngày 15 tháng 5 năm 2009, đã xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01, địa chỉ ấp V, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Vũ L, sinh năm 1975, nơi cư trú: Số nhà 214/26, đường B, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Vũ L: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp K, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (giấy ủy quyền ngày 28 tháng 12 năm 2023). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh Văn Bé C, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 371/5, ấp V, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

2. Ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1996, địa chỉ: Số nhà 319/2, ấp P, xã Thanh Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Mộng Th, sinh năm 1987, địa chỉ: Số nhà 23/22, đường N, Phường 3, thành phố Tân An, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4. Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1993, địa chỉ: Số nhà 843, Quốc Lộ 1, phường T, thành phố Tân An, tỉnh Long An. (vắng mặt)

5. Bà Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1992, địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

6. Ông Châu Nghĩa V, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 361/5, ấp V, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

7. Ông Đỗ Hữu L, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 66/5, ấp V, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1980, địa chỉ: Số nhà 115/4, ấp B, xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hồ Vũ L là Giám đốc công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01, địa chỉ ấp V, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông Hồ Vũ L ký hợp đồng khoán việc số 02.2020/HĐKV ngày 01/02/2020 với các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và Võ Tấn K. Bị cáo T có nhiệm vụ bán hàng (dầu, nhớt) tại cửa hàng, thu tiền hàng nộp về công ty bằng hình thức chuyển khoản, lập và gửi báo cáo bán hàng mỗi ngày theo mẫu của công ty; kiểm kê và báo cáo số lượng tồn kho vào cuối tháng (hoặc có yêu cầu từ bộ phận kế toán)…., lương mỗi tháng 5.000.000 đồng x 02 người là 10.000.000 đồng. Đến tháng 8/2020, các bị cáo T và K điện thoại xin nghỉ việc, không làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động. Đến ngày

01/10/2020, ông Hồ Vũ L ký hợp đồng khoán việc số 11.2020/HĐKV với bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T với nhiệm vụ: Tiếp nhận hàng hóa công ty điều xuống, tổ chức bán hàng, bảo quản và nộp tiền về công ty, bảo quản giữ gìn tài sản công ty, theo dõi cập nhật thời điểm hết hạn các thiết bị, phương tiện đo lường, thu tiền nộp về công ty bằng hình thức chuyển khoản hoặc cử đại diện xuống nhận, lập và gửi báo cáo bán hàng mỗi ngày theo mẫu của công ty; kiểm kê và báo cáo số lượng tồn kho vào cuối tháng (hoặc có yêu cầu từ bộ phận kế toán)… lương khoán trọn gói là 6.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 11/2022, do thu nhập thấp, nên bị cáo T đi làm thêm (công nhân). Bị cáo T điện thoại cho ông Hồ Vũ L để xin cho bị cáo K phụ bán dầu DO và thu tiền giao cho bị cáo T báo cáo bán hàng, chuyển tiền hàng vào tài khoản của công ty theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của công ty thì ông L đồng ý. Các bị cáo T và K thực hiện đúng theo hợp đồng với công ty, bị cáo T làm báo cáo và chuyển tiền về công ty đầy đủ đến ngày 18/7/2023.

Đến ngày 19/7/2023 và ngày 20/7/2023, bị cáo T làm báo cáo nhưng không chuyển tiền bán hàng về công ty và nêu lý do không có khách mua hàng. Đến chiều ngày 21/7/2023, bị cáo T nói là bị cúp điện nên không làm báo cáo, không chuyển tiền cho công ty và tắt điện thoại. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 22/7/2023, bị cáo T lấy số tiền 82.330.500 đồng của công ty rồi bỏ đi.

Đến sáng ngày 24/7/2023, nhân viên công ty là bà Nguyễn Thanh T đến Chi nhánh công ty cổ phần G - Cửa hàng xăng dầu G 01 thì các bị cáo T, K đã bỏ đi không liên lạc được. Công ty tiến hành kiểm kê hàng hóa như sau:

Ngày 20/5/2023, công ty nhập 11.000 lít dầu DO 0.05S-II với các chỉ số thể hiện như sau:

- Bồn 02 - trụ 01: Ngày 19/05/2023 tồn đầu kỳ: 490 lít dầu, ngày 20/5/2023 nhập 6.000 lít dầu DO 0.05S-II (số cơ đầu 255.992). Tổng cộng trong bồn có 6.490 lít.

+ Từ ngày 20/5/2023 đến ngày 18/7/2023 bán được 2.354 lít dầu DO 0.05S-II (số cơ đầu là 255.992, số cơ cuối là 258.346).

+ Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 22/7/2023 bán được 2.549 lít dầu DO 0.05S-II (số cơ đầu là 258.346, số cơ cuối là 260.895). Bị cáo T chiếm đoạt số tiền bán 2.549 lít x 19.500 đồng/lít = 49.705.500 đồng.

+ Ngày 24/7/2023, thực tế kiểm kê còn tồn 1.587 lít dầu DO 0.05S-II.

- Bồn 03 - trụ 03: Ngày 19/5/2023, tồn đầu kỳ 1.253 lít dầu DO 0.05S-II, ngày 20/5/2023 nhập 5.000 lít DO 0.05S-II (số cơ đầu là 103.242). Tổng cộng trong bồn có 6.253 lít dầu DO 0.05S-II.

+ Từ ngày 20/5/2023 đến hết ngày 18/7/2023 bán được 2.712 lít dầu DO 0.05S-II (số cơ đầu là 103.242, số cơ cuối là 105.954).

+ Từ ngày 19/7/2023 đến ngày 22/7/2023 bán 884 lít dầu DO 0.05S-II (số cơ đầu là 105.954, số cơ cuối là 106.838). Bị cáo T chiếm đoạt số tiền bán 884 lít x 19.500 đồng/lít = 17.238.000 đồng.

+ Ngày 24/7/2023, thực tế kiểm kê còn tồn 2.657 lít DO 0.05S-II.

Tổng cộng 2 bồn (trụ 01 và trụ 03) tồn: 1.587 lít + 2.657 lít = 4.244 lít dầu DO 0.05S-II. Ngày 24/7/2023, công ty kiểm kê vét 02 bồn số dầu thực tế còn lại là

2.937 lít dầu DO 0.05S-II. Số dầu bị mất là 4.244 lít - 2.937 lít = 1.307 lít dầu DO 0.05S-II.

Ngoài ra, bị cáo T còn chiếm đoạt của công ty các khoản tiền như sau:

- Ngày 01/10/2020, Chi nhánh công ty cổ phần G - Cửa hàng xăng dầu G 01 do ông L làm giám đốc ký hợp đồng hợp tác với ông Huỳnh Văn Bé C đầu tư công trình "Đường dây trung áp 01 pha và TBA 75KVA HNT", địa chỉ ấp Vĩnh Viễn, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An để chạy điện phục vụ nuôi tôm và cho những hộ dân thuê điện nuôi tôm. Theo thỏa thuận, hằng tháng ông Huỳnh Văn Bé C thu tiền điện của các hộ dân tính toán chia tiền lợi nhuận giữa ông C với công ty, sau đó ông C giao số tiền này cho nhân viên là bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T để nộp về công ty. Ngày 20/7/2023, ông C giao cho bị cáo T số tiền 7.515.000 đồng, nhưng bị cáo T không nộp về công ty mà chiếm đoạt vào ngày 22/7/2023.

- Bị cáo T thu công nợ bán nhớt của khách hàng (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền là 6.972.000 đồng.

- Bị cáo T chiếm đoạt số tiền lẻ của công ty là 900.000 đồng.

Kết quả điều tra đã xác định được như sau:

Từ 15 giờ ngày 20/7/2023 đến 05 giờ 30 phút ngày 22/7/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và bị cáo Võ Tấn K đã bán trụ 01 được 2.549 lít dầu, đơn giá là 19.500 đồng/lít, số tiền là 49.705.500 đồng; trụ 03 bán được 884 lít dầu, đơn giá là 19.500 đồng/lít, số tiền là 17.238.000 đồng; thu tiền bán nhớt 6.972.000 đồng; thu công nợ tiền điện của khách hàng 7.515.000 đồng và 900.000 đồng tiền lẻ. Tổng cộng các khoản tiền trên là 82.330.500 đồng. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 22/7/2023, bị cáo T chiếm đoạt số tiền 82.330.500 đồng, không nộp về công ty và bỏ đi. Sau đó bị cáo T cho 05 người bạn của bị cáo T vay gồm: ông Nguyễn Ngọc Tr vay số tiền 7.000.000 đồng; ông Đỗ Thanh Hiền vay số tiền là 25.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mộng Thu vay số tiền 3.000.000 đồng; bà Phạm Thị Cẩm T vay số tiền là 7.000.000 đồng; ông Châu Nghĩa Việt vay số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 35.330.500 đồng, bị cáo T tiêu xài cá nhân hết.

Bị cáo T đi làm thêm (công nhân), bị cáo K ở tại Cửa hàng xăng dầu G 01, bị cáo K dùng chìa khóa mở cửa hầm số 01 bè dầu, sử dụng bơm chìm hút trộm dầu DO 0,05S-II không qua trụ bơm, để bơm vào can nhựa bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 08/02/2023, bị cáo K lén lút bơm dầu DO 0.05S-II vào 04 can nhựa, mỗi can là 30 lít, tổng số là 120 lít DO-0,05S-II. Bị cáo K bán cho ông Đỗ Hữu L với số tiền là 1.200.000 đồng, bị cáo K dùng tiền này trả tiền thuê xe về quê (tỉnh Cà Mau).

Với thủ đoạn như trên, bị cáo K còn thực hiện hành vi hút trộm dầu DO 0,05S-II bán cho hai chủ ghe (không rõ họ tên, địa chỉ), số lượng 1.080 lít, với số tiền 10.800.000 đồng như sau:

Lần 2: Ngày 12/02/2023: 06 can x 30 lít = 180 lít dầu DO 0,05S-II.

Lần 3: Ngày 15/02/2023: 04 can x 30 lít = 120 lít dầu DO 0,05S-II.

Lần 4: Ngày 18/02/2023: 07 can x 30 lít = 210 lít dầu DO 0,05S-II.

Lần 5: Ngày 25/02/2023: 08 can x 30 lít = 240 lít dầu DO 0,05S-II.

Lần 6: Ngày 28/02/2023: 05 can x 30 lít = 150 lít dầu DO 0,05S-II.

Lần 7: Ngày 06/03/2023: 06 can x 30 lít = 180 lít dầu DO 0,05S-II.

Tổng cộng K lấy trộm 07 lần, số lượng 1.200 lít dầu DO 0,05S-II.

Tại Bản kết luận định giá số 45/KL-HĐĐG ngày 21/10/2024 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện Châu Thành về việc định giá tài sản như sau:

- 120 lít dầu DO 0,05S-II ngày 08/02/2023 có giá trị định giá 22.520 đồng/lít x 120 lít = 2.702.400 đồng.

- 180 lít dầu DO 0,05S-II ngày 12/02/2023 có giá trị định giá 22.520 đồng/lít x 180 lít =. 4.053.600 đồng

- 120 lít dầu DO 0,05S-II ngày 15/02/2023 có giá trị định giá 21.560 đồng/lít x 120 lít = 2.587.200 đồng.

- 210 lít dầu DO 0,05S-II ngày 18/02/2023 có giá trị định giá 21.560 đồng/lít x 210 lít =4.527.600 đồng.

- 240 lít dầu DO 0,05S-II ngày 25/02/2023 có giá trị định giá 20.800 đồng/lít x 240 lít =4.992.000 đồng.

- 150 lít dầu DO 0,05S-II ngày 28/02/2023 có giá trị định giá 20.800 đồng/lít x 150 lít =3.120.000 đồng.

- 180 lít dầu DO 0,05S-II ngày 06/3/2023 có giá trị định giá 20.250 đồng/lít x 180 lít =3.645.000 đồng.

Tổng cộng: 25.627.800 đồng (hai mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, tám trăm đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành thu giữ:

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T số tiền là 19.000.000 đồng, tạm giữ của ông Nguyễn Ngọc Tr số tiền là 7.000.000 đồng, tạm giữ của ông Châu Nghĩa V số tiền là 5.000.000 đồng, tạm giữ của bà Phạm Thị Cẩm T số tiền là 5.000.000 đồng. Tổng cộng 36.000.000 đồng.

- Vật chứng hiện đang tạm giữ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSCT ngày 31 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T về tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Tấn K về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T, Võ Tấn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo Võ Tấn K đã bồi thường xong thiệt hại và đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Võ Tấn K có ông nội là thương binh, ông cố là Liệt sĩ, bị cáo Võ Tấn K phạm tội hai lần trở lên.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Tấn K đã bồi thường cho công ty số tiền là 25.486.500 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã bồi thường, nộp tiền bồi thường cho công ty số tiền là 44.000.000 đồng (trong đó, bị cáo T chuyển khoản trả cho công ty số tiền là 8.000.000 đồng, bị cáo T nộp 19.000.000 đồng, những người vay tiền trả tiền lại cho bị cáo T để bồi thường là 17.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T về tội "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1, khoản 6 Điều 353 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Võ Tấn K về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản". Áp dụng khoản 1, khoản 6 Điều 353, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T với mức án từ 02 năm tù đến 03 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

- Tuyên bố bị cáo Võ Tấn K phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Tấn K với mức án từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung vì bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

- Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T bồi thường cho bị hại số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã chiếm đoạt còn lại là 38.330.500 đồng.

- Xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền 36.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T nộp và cơ quan điều tra thu giữ để thi hành án.

- Buộc các bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và Võ Tấn K phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T ký hợp đồng khoán việc với Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01, địa chỉ ấp Vĩnh Viễn, xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, bị cáo T có nhiều nhiệm vụ, trong đó có một số nhiệm vụ như: Thu tiền bán hàng, thu nợ tiền điện, tiền dầu nhớt, quản lý tiền lẽ và nộp tiền về công ty bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt, lương khoán trọn gói 6.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 11/2022, do thu nhập thấp nên T đi làm thêm (công nhân). Bị cáo T điện thoại cho ông Hồ Vũ L (Giám đốc công ty) để xin cho bị cáo Võ Tấn K phụ bán dầu DO và thu tiền giao cho bị cáo T báo cáo bán hàng, chuyển tiền hàng vào tài khoản của công ty theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của công ty thì ông L đồng ý. Các bị cáo T và K thực hiện đúng theo hợp đồng với công ty, bị cáo T làm báo cáo và chuyển tiền về công ty đầy đủ đến ngày 18/7/2023. Từ 15 giờ ngày 20/7/2023 đến 05 giờ 30 phút ngày 22/7/2023, các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và Võ Tấn K đã bán trụ bơm dầu 01 được 2.549 lít dầu, đơn giá 19.500 đồng, số tiền là 49.705.500 đồng; trụ bơm dầu 03 bán được 884 lít dầu, đơn giá 19.500 đồng, số tiền là 17.238.000 đồng; thu tiền bán nhớt số tiền là 6.972.000 đồng; thu nợ tiền điện của khách hàng số tiền là 7.515.000 đồng và 900.000 đồng tiền lẻ của công ty (dùng để thối tiền cho khách hàng), tổng cộng các khoản tiền trên là 82.330.500 đồng. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 22/7/2023, bị cáo T chiếm đoạt số tiền 82.330.500 đồng của Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01 mà bị cáo T có trách nhiệm quản lý và bỏ đi là bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã phạm vào tội "Tham ô tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại các khoản 1 và khoản 6 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/02/2023 đến ngày 06/3/2023, tại địa điểm bán hàng của Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01, bị cáo Võ Tấn K có 07 lần thực hiện hành vi lén lút dùng chìa khóa mở cửa hầm dầu (bồn chứa dầu), sử dụng bơm chìm hút dầu DO 0,05S-II không qua trụ bơm, để bơm vào can nhựa bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tổng số dầu bị cáo Võ Tấn K chiếm đoạt là 1.200 lít dầu DO 0,05S-II, giá trị chiếm đoạt là 25.627.800 đồng, cả 07 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng, là bị cáo Võ Tấn K đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, phạm tội thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và Võ Tấn K với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi tham ô tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Võ Tấn K là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm minh đối với các bị cáo nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Võ Tấn K đã bồi thường xong thiệt hại, bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo Võ Tấn K có ông nội tên Võ Văn Thu là thương binh hạng 2/4, ông cố tên Võ Tấn Tường là Liệt sĩ. Bị cáo Võ Tấn K phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, nên khi quyết định hình phạt căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng các khoản 1 và khoản 6 Điều 353 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, để tuyên cho bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo; cần áp dụng 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định khung hình phạt phải áp dụng; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự quy định tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự quy định tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để tuyên cho bị cáo Võ Tấn K hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo Võ Tấn K có nhân thân không tốt, bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T chưa bồi thường xong thiệt hại, nên Hội đồng xét xử quyết định không cho các bị cáo hưởng án treo. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Hồ Vũ L là Giám đốc Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01 yêu cầu bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T bồi thường số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã chiếm đoạt là 82.330.500 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 584, 585 và 589 của Bộ Luật dân sự nên chấp nhận. Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã chuyển khoản trả cho công ty số tiền là 8.000.000 đồng, số tiền cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là 36.000.000 đồng (đã chuyển sang chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành), số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T phải tiếp tục bồi thường là 38.330.500 đồng.

[6] Xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tiếp tục tạm giữ số tiền 36.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của các bị cáo nên chấp nhận.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T phạm tội "Tham ô tài sản", bị cáo Võ Tấn K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng các khoản 1 và khoản 6 Điều 353, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T 02 (hai) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Tấn K 01 (một) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585 và 589 của Bộ Luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty cổ phần G-cửa hàng xăng dầu G 01 số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã chiếm đoạt là 82.330.500 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T đã chuyển khoản trả cho công ty số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), số tiền cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng), số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T phải tiếp tục bồi thường là 38.330.500 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An tiếp tục tạm giữ số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004480 ngày 04 tháng 02 năm 2025 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An, để đảm bảo cho việc thi hành án.

Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, các Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T và Võ Tấn K mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Ngọc Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.916.500 đồng (một triệu chín trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng